

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+PVD6	7:25	0+19	0+0		2+20	0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ RP2-PVD6
2		P4+TD2+P7	7:25	11+0+0	0+0+0		5+10+2	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD2-P7
3		P8+TD5+PVD6	9:25	14+1+7	0+0+0		1+8+13	0+0+0	
4		GTCL+PVD6+PVD1	9:35	21+1	0+0		15+4	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 4 NGUOI BK14 VỀ QUA TD5
2 / 13 NGUOI ĐI PVD6 VỀ CHUYỂN CUỐI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2019	TO: RP2 - PVD6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:30
VIP DO+ XANH			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN NGOC TRUNG	PVD6				70	75	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN TIEN VIEN	PVD6				20	76	D-HANH	Vietnamese
3	VU DAO MINH	PVD6					66	D-HANH	Vietnamese
4	LE NGOC ANH	PVD6					55	D-HANH	Vietnamese
5	PHAM THUAN THIEN	PVD6					71	D-HANH	Vietnamese
6	LE VIET DUNG	PVD6					56	D-HANH	Vietnamese
7	TRAN VAN VINH	PVD6					70	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC DAT	PVD6					67	D-HANH	Vietnamese
9	LE VAN TIEN	PVD6					67	D-HANH	Vietnamese
10	PHAM THANH HA	PVD6	64	1	5		91	D-HANH	Vietnamese
11	PHAM XUAN SON	PVD6					68	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN CUONG	PVD6					82	D-HANH	Vietnamese
13	VU TUAN PHONG	PVD6	65	1	4		72	D-HANH	Vietnamese
14	PAUL LAMBERT	PVD6	62-63	2	15		94	KHOAN	British
15	PHAM VAN HIEU	PVD6	68	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
16	TURLIN ERWAN	PVD6	58-59	2	20		82	KHOAN	French
17	VO THANH TOAN	PVD6	66	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
18	TU DUONG VAN	PVD6	67	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
19	TA THANH BINH	PVD6	60-61	2	8		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

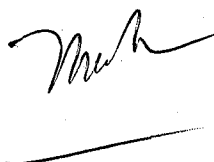
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	0	0	0	0	0	2	1	CHUYEN 1 PAX TU RP2 SANG PVD6
2	PVD6	19	11	68	1.397	90	20		
TOTAL		19	11	68	1.397	90	22		
WEIGHT KG				68	1.397	90			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2019	TO: P4 - TD2 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 09:35
cam-1		HTNam	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH TOÀN	P4	46	1	7		80	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI ĐÌNH THU	P4	74	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THOA	P4	72	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN VĂN HẠNH	P4	77-78	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM BÁ HOÀNG	P4	70-71	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN NAM	P4	73	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ DUY ĐỨC	P4	69	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO QUỐC OAI	P4	68	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P4	75-76	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN QUY DŨNG	P4	67	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BÀU	P4	65	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	14	130	766	0	5		CHUYỂN 02 PAX TỪ TD2 SANG P7
2	TD2	0	0	0	0	20	10	2	
3	P7	0	0	0	0	10	2		
TOTAL		11	14	130	766	30	17		
WEIGHT KG				130	766	30			

GRAND TOAL: 926 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2019	TO: P8 - TD5 - PVD6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC CHINH	P8	74	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẠO ĐỨC ĐỒNG	P8	78	1	5	20	69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG ĐỊNH	P8	60	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC QUANG	P8	66-67	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN THANG	P8	68-69	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TÂN	P8	72-73	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese
7	VU MẠNH THANG	P8	64-65	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HOAN	P8	58-59	2	14		61	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN HỘI	P8	61	1	14		53	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG ĐỊNH	P8	75-76	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN VINH	P8	62-63	2	8		74	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ TÁ HUNG	P8	77	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HUNG	P8	70-71	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THUAN	TD5	97-98	2	20		77	PSV	Vietnamese
15	ĐẠO VĂN KHÔI	PVD6	42	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN THANH PHUONG	PVD6	39	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN NHU CHIEN	PVD6	36	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HUNG	PVD6	37	1	6	10	65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH KIEN	PVD6	41	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
20	DUONG QUOC CONG	PVD6	40	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
21	VU QUANG NHIEM	PVD6	43	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
22	LE NGOC HOA	PVD6	38	1	5		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	13	21	170	863	20	1		
2	TD5	1	2	20	77	0	8		
3	PVD6	8	8	42	520	10	13		
TOTAL		22	31	232	1.460	30	22		
WEIGHT KG				232	1.460	30			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2019	TO: GTC1 - PVD6 - PVD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:15
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 12:15
VANG-2		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN TRUONG	GTC1	92	1	7		55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUONG	GTC1	93	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN MANH CUONG	PVD6	15	1	5	25	51	KHOAN	Vietnamese
4	VO XUAN TOAN	PVD6	12	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
5	MAI MINH THAO	PVD6	09	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HUU BINH	PVD6	05	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN SINH	PVD6	17	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH TRONG PHUC	PVD6	16	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH SON	PVD6	08	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH VAN DUOC	PVD6	07	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUOC DUNG	PVD6	13-14	2	11		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DUNG	PVD6	01-02	2	18		88	KHOAN	Vietnamese
13	ROGER WILLIAM	PVD6					100	KHOAN	New Zealand
14	NGUYEN VAN TRUNG	PVD6	18	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM TRONG HUNG	PVD6	06	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN TINH	PVD6	03	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN HUYEN	PVD6	10-11	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG MINH TUAN	PVD6	04	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LAM	PVD6	19	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐINH TIEN DUNG	PVD6	20-21	2	11		79	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN KIM LONG	PVD6	22-23	2	7		71	T-TIN	Vietnamese
22	HO XUAN TUYEN	PVD1	02	1	7		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	16	128	0	1		
2	PVD6	19	23	141	1.378	25	15		
3	PVD1	1	1	7	71	0	4		
TOTAL		22	26	164	1.577	25	20		
WEIGHT KG				164	1.577	25			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+BK5+CTK3	7:25	17+0+1	0+0+0		10+11+1	0+0+0	
2		VSP01+PPD	7:25	20+1	0+0		15+7	0+0	
3		TTC1+TTC3+VSP02	7:25	9+5+8	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
4		CNV+VSP01	7:25	1+16	0+0		0+22	0+0	
5		TTC2+P8	9:25	5+9	0+0		12+10	0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TTC2-P8
6		P6+BK8	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
7		TD2+P10+P8	9:25	0+7+14	0+0+0		0+3+19	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD2-P10
8		TGTH4-AMD	9:35	12+2	0+0		20+2	0+0	
9		P8+P6+TTC1	11:25	17+2+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/TTC1 ĐI VỀ TRONG NGÀY 3 NGƯỜI.
2/AMD ĐI VỀ TRONG NGÀY 6 NGƯỜI.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: AMD - BK5 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN CUONG	AMD					60	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN LOI	AMD	83	1	10		72	TLJOC	Vietnamese
3	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	85	1	2		65	BAB	Indian
4	PHAM TUAN DUONG	AMD	82	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THI NGAN HA	AMD					57	KH-THAC	Vietnamese
6	LA THI VAN MAI	AMD	84	1	2		45	KH-THAC	Vietnamese
7	ANTON VAN DER MERWE	AMD	91-92	2	12		96	BAB	S.African
8	PHAM VAN AN	AMD	75-76	2	11		68	HLJOC	Vietnamese
9	BUI XUAN TAO	AMD	80-81	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG DUNG	AMD	73	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ XUAN HA	AMD	74	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH VAN PHA	AMD	90	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TAN	AMD	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DINH HIEU	AMD	72	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAO DUC HUY	AMD	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUC HAU	AMD	86	1	8	15	65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DUC TAM	AMD	77-78	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG QUOC VU	CTK3					68	<i>Cân Bay</i>	Vietnamese

FLIGHT PLAN

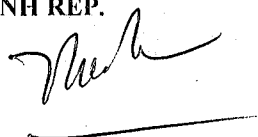
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	19	107	1.120	15	10		
2	BK5	0	0	0	0	45	11		
3	CTK3	1	0	0	68	0	1		
TOTAL		18	19	107	1.188	60	22		
WEIGHT KG				107	1.188	60			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

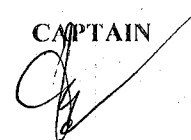
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: VSP01 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU - HTNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV IU.V.	VSP01	44	1	10		86	KH-THAC	Russian
2	PASKEVICH V.V.	VSP01	45	1	11		100	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN BACH HA	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
4	GURIN V.V.	VSP01	58	1	3		98	KH-THAC	Russian
5	VUÔNG VĂN THÔNG	VSP01	68-69	2	10		60	YTE	Vietnamese
6	TRƯỜNG HIEN	VSP01	64	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA BANG	VSP01	59	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BINH	VSP01	72	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC THÔNG	VSP01	60-61	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	67	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM HUY BINH	VSP01	63	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN MIT	VSP01	65	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC BE	VSP01	62	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH VĂN THON	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO XUAN ĐUC	VSP01	66	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	70-71	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN XUAN THUY	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI SONG TOAN	PPD	01	1	6		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	17	97	1.534	0	15		
2	PPD	1	1	6	75	0	7		
TOTAL		21	18	103	1.609	0	22		
WEIGHT KG				103	1.609	0			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: TTC1 - TTC3 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - Năm	ETA: 09:15
cam-1			

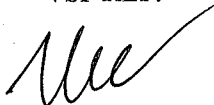
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI KIEN ĐỨC	TTC1	47-48	2	17		80	D-HANH	Vietnamese
2	HA THANH SANG	TTC1	49	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
3	FIRSOV	TTC1	31	1	5		92	ANTOAN	Russian
4	NGUYEN TRONG	TTC1	28	1	5	45	60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VAN THANH	TTC1	30,32	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NI KI TIN. D.I	TTC1	29	1	5		85	KH-THAC	Russian
7	ĐANG LONG HAI	TTC1	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU QUYNH AN	TTC1	27	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN QUYNH	TTC1	33	1	5		63	GETRACO	Vietnamese
10	BACH ANH TUAN	TTC3	06	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ TIEN DUNG	TTC3	09	1	5	30	80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG HIẾU	TTC3	10	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐẠI THANH	TTC3	08	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH SỰ	TTC3	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	BUI HONG THAI	VSP02					56	VT SHIPMA	Vietnamese
16	NINH VAN HUYEN	VSP02	08	1	5		75	VT SHIPMA	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC THĂNG	VSP02	09	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HONG ĐỨC	VSP02	14	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	HAN VAN HIEU	VSP02	12	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	13	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	LUONG MANH GIANG	VSP02	12	1	7		70	PSV	Vietnamese
22	LE VAN CHI	VSP02	10	1	5		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

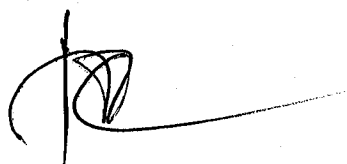
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	9	11	64	682	45	6		
2	TTC3	5	5	24	328	30	6		
3	VSP02	8	7	37	515	0	10		
TOTAL		22	23	125	1.525	75	22		
WEIGHT KG				125	1.525	75			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

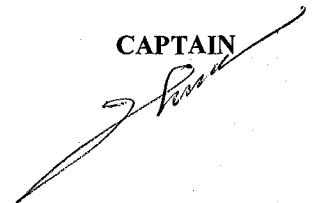
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2019	TO: CNV - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG MỸ TRƯỜNG	CNV	88	1	13	10	63	XNXL	Vietnamese
2	NGUYỄN THUỖNG HAI	VSP01	55	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	63	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH THANG	VSP01	64	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGUYỄN QUANG	VSP01	54	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	62	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	65	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	56	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	68-69	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ROGINSKY	VSP01	53	1	13		110	ANTOAN	Russian
12	NGUYỄN VĂN KHAN	VSP01	67	1	5		74	PSV	Vietnamese
13	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	60	1	5		66	PSV	Vietnamese
14	LÊ CAO HAI	VSP01	57	1	4		66	PSV	Vietnamese
15	PHẦN MINH TÙNG	VSP01	58	1	8		65	PSV	Vietnamese
16	ĐINH DOÀN TÙNG	VSP01	66	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	59	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	1	1	13	63	10	0		
2	VSP01	16	17	100	1.104	0	22		
TOTAL		17	18	113	1.167	10	22		
WEIGHT KG				113	1.167	10			

GRAND TOAL: 1.290 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: TTC2 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - KHOÀN - MQUÂN	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU THẾ ANH	TTC2	53	1	8	50	80	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VĂN THỰC	TTC2	52	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	51	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	57	1	3		75	PSV	Vietnamese
6	LE VAN TAN	P8	76-77	2	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG HAI HÀ	P8	80-81	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH CHANH PHAT	P8	79	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
9	OVCHARENKO	P8	78	1	8		85	KH-THAC	Russian
10	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	75	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG HIỀN	P8	83	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TUẤN ANH	P8	85-86	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LAZAREV	P8	84	1	6		79	KH-THAC	Russian
14	LƯƠNG VĂN QUYẾT	P8	82	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

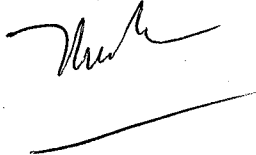
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	5	27	356	50	12	41	CHUYỂN 1 PAX TTC2 SANG P8
2	P8	9	12	65	633	50	10		
TOTAL		14	17	92	989	100	22		
WEIGHT KG				92	989	100			

GRAND TOTAL: 1.181 KGS

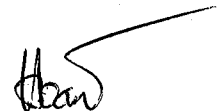
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: P6 - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 11:30
NAU-2		HTNam	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	96	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THẮNG	P6	87	1	11		67	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN VĂN PHỤ	P6	26	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐỨC HOE	P6	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ĐÌNH SỸ	P6	97-98	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUÂN CƯ	P6	21	1	5	75	55	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MẠNH KHANH CUÔNG	P6	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUY HÙNG	P6	16	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN THIN	P6	20	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KHUÔNG	P6	95	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN QUANG	P6	22	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO KIM SÂM	P6	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HUY THÔNG	P6	24-25	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM VĂN KHUÔNG	P6	23	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ VĂN SANG	P6	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HOANG TÙNG	P6	99,500	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÔNG XUÂN PHỤ	P6	93-94	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LỢI	P6	19	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THỨC PHÚC	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
21	VU THANH ĐO	P6	27	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
22	NG. VĂN BAO TRUNG	P6	15	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	25	147	1.486	75	19		
2	BK8	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	25	147	1.486	95	22		
WEIGHT KG				147	1.486	95			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

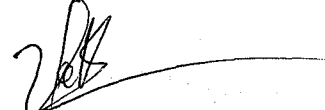
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2019	TO: TD2 - P10 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - Năm	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH QUANG	P10	02	1	5		67	VIỆT PHÁT	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P10	05	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	ĐO THANH HAI	P10	03	1	5	30	70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MINH SƠN	P10	01	1	5		72	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUNG	P10	04	1	5		67	NIPI	Russian
7	KYREEV	P10	700	1	5		90	NIPI	Russian
8	PHAN ANH ĐỨC	P8	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P8	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TIKHONOV	P8	84	1	5		90	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN HỮU DUNG	P8	87	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN DUNG	P8	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH VINH	P8	89	1	10	30	76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH HOANG	P8	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HUNG	P8	88	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TRUNG HẬU	P8	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẠO DỤC THAI	P8	90	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	0	0	1	CHUYỂN 1 PAX TD2 SANG P10
2	P10	7	6	30	516	30	3		
3	P8	14	14	82	962	30	19		
TOTAL		21	20	112	1.478	60	22		
WEIGHT KG				112	1.478	60			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: TGTH4 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - Huy	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN GIANG	TGTH4	69	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH4	72	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	VI TRAN TAN THUAN	TGTH4	70-71	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DINH	TGTH4	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM ANH NGU	AMD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN VAN DUNG	AMD	54-55	2	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG HO NGHIA	AMD	56	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC THU	AMD	57	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN LAM	AMD	52	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH TAN	AMD	50-51	2	14	15	57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO BA THANH	AMD	53	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC PHUONG	AMD	61	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN VU	AMD	60	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
14	LE HUU HA	AMD	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

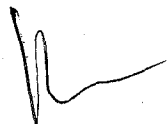
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	5	30	282	0	2		
2	AMD	10	12	73	681	15	20		
TOTAL		14	17	103	963	15	22		
WEIGHT KG				103	963	15			

GRAND TOAL: 1.081 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2019	TO: P8 - P6 - TTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Phong - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 13:10
CAM-3			

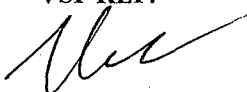
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DONG	P8	87-88	2	19		81	Y-TE	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LINH	P8	93	1	4	38	80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH BÌNH	P8	84	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIỆP	P8	94	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU THANH	P8	91	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG XUÂN THĂNG	P8	79	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN THỊNH	P8	81	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HA HUU THAI	P8	76-77	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MINH HOANG	P8	80	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY CHUÔNG	P8	82-83	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC	P8	95	1	5	23	54	PSV	Vietnamese
12	ĐAM CANH DUNG	P8	89	1	9		60	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	92	1	5		50	PSV	Vietnamese
14	ĐÀU CÔNG SAU	P8	85	1	5		80	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	P8	90	1	10		65	PSV	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN THU	P8	86	1	4		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	P8	78	1	6		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN PHƯỚC	P6	74	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
19	HA VAN CANH	P6	73	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

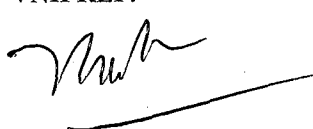
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	20	165	1.135	61	10		
2	P6	2	2	20	133	0	7		
3	TTC1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	22	185	1.268	61	22		
WEIGHT KG				185	1.268	61			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

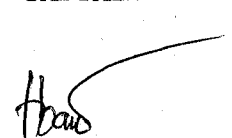
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RC4	7:25	16+6	0+0		13+9	0+0	
2		RCDM+RP1	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
3		TD1-P10	7:25	17	0		22	0	
4		TD3+TD1	7:25	4+12	0+0		7+15	0+0	
5		T.JUNG-PVD6	7:25	13	0		17	0	
6		PVD6+PVD1+RC6	9:25	2+15+5	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
7		RP3+RC5	9:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
8		RP1+CLO	9:25	18+0	0+0		16+5	0+0	
9		CLO	9:25	14	0		22	0	
10		RP2	11:25	22	0		22	0	
11		PVD1+RC3+P1	11:25	9+5+0	0+0+0		4+10+8	0+0+0	
12		P8+P2	11:25	1+11	0+0		0+22	0+0	
13		P7+P10+RP2	11:25	1+6+3	0+0+0		0+18+4	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P10-RP2
14		P9+RP2+RP3	13:25	5+9+2	0+0+0		9+10+3	0+0+0	
15		RP3+RCDM	13:25	20+0	0+0		20+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/RCDM - 2 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY ;
2/2 NGƯỜI TD3 VỀ QUA P2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: CLO - RC4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - HIẾU	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	35	1	6	22	70	KHOAN	Vietnamese
2	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	41	1	5	40	130	KHOAN	Russian
3	KIRICHENKO K.P	CLO	45-46	2	13		81	KHOAN	Russian
4	VUONG NGOC HOAN	CLO	39	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN CONG PHU	CLO	32	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN VIET HUNG	CLO	40	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
7	VU THE NANG	CLO	29	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG KIM DUONG	CLO	27	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN LY	CLO	28	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	VO VAN HUNG	CLO	38	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN LONG	CLO	30	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN ĐÔNG	CLO	34	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN TAM	CLO	31	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ ANH TUÂN	CLO	36	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN DUY	CLO	33	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN TUÂN	CLO	44	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG MINH	RC4	96	1	8	50	60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TUÂN	RC4	95	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	92	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU TIEN BINH	RC4	94	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VIET THUẬN	RC4	93	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN TUONG	RC4	97	1	2		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	17	94	1.173	62	13		
2	RC4	6	6	40	426	50	9		
TOTAL		22	23	134	1.599	112	22		
WEIGHT KG				134	1.599	112			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.


VNH REP.


CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: RCDM - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - VThắng - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI KIEN DUC	RCDM	79	1	6	15	86	D-HANH	Vietnamese
2	HA THANH SANG	RCDM	80	1	3		64	D-HANH	Vietnamese
3	PHAM XUAN VINH PHUC	RCDM	84	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO DAC TOAN	RCDM	83	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI QUOC VIET	RCDM	51	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH DUNG	RCDM	82	1	3	60	75	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	85	1	10		76	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN LY HUONG	RP1	45	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	MAMEDOV	RP1	21	1	6		84	KH-THAC	Russian
10	TRẦN MINH HIẾU	RP1	15,44	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN NGO	RP1	16	1	4	8	55	YTE	Vietnamese
12	KAZAKOV	RP1	88	1	10	30	78	KH-THAC	Russian
13	ZELENSKY	RP1	89	1	10		78	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ĐỨC THIÊN	RP1	87	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	24-25	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	19-20	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	22-23	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TAO QUANG NGÂN	RP1	90	1	8	35	68	KH-THAC	Vietnamese
22	TUƠNG ANH CẠC	RP1					57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	7	38	494	75	6		
2	RP1	15	16	106	1.051	73	16		
TOTAL		22	23	144	1.545	148	22		
WEIGHT KG				144	1.545	148			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: TD1 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - Toan	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					76	KHOAN	Vietnamese
2	ĐO QUANG LỤC*TT	TD1	04	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	13	1	3		83	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN NAM	TD1	02	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ BA PHUONG	TD1	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1					82	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ QUỐC BAO	TD1	06	1	6	43	60	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					67	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	14	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG ANH TUAN	TD1	10	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ BẢNG ĐOÀN*PK-PVD	TD1	09	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH LƯỢNG	TD1	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	11	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	05	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	HA MINH TUAN	TD1	03	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	07	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	08	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
18	BADIKOV	P10	26	1	11	70	88	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	14	65	1.247	43	21		
2	P10	1	1	11	88	70	1		
TOTAL		18	15	76	1.335	113	22		
WEIGHT KG				76	1.335	113			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

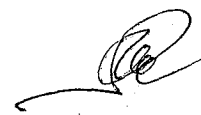
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU - HTNam	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HOANG	TD3	96	1	15	7	63	DMC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LOP	TD3	94-95,98	3	14		65	DMC	Vietnamese
3	BUI NGOC THANG	TD3	87	1	7		47	DMC	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	TD3	28	1	6		72	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TUONG TU	TD1	80	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
6	LAI DUC LAM	TD1	85	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN NGOC THAI	TD1	84	1	7	13	80	KHOAN	Vietnamese
8	NGO XUAN THUONG	TD1	500	1	5	70	80	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH HUU NGHIA	TD1	99	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
10	LE VIET THANH	TD1	81	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN PHI HUNG	TD1	89	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN DONG	TD1	88	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
13	DINH VIET DUNG	TD1	91-92	2	10		52	DVL	Vietnamese
14	VU XUAN CANH	TD1	87	1	11		70	DVL	Vietnamese
15	BUI HUY BANG	TD1	86	1	6		69	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LINH	TD1	90	1	12		66	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

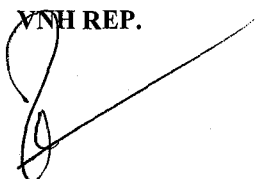
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	6	42	247	7	6		
2	TD1	12	13	86	837	83	16		
TOTAL		16	19	128	1.084	90	22		
WEIGHT KG				128	1.084	90			

GRAND TOAL: 1.302 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: BK THIEN UNG - PVD6	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HLONG - Lạc	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE QUỐC TIẾN	BK THIE	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	BAGRAMOV A.G.	BK THIE	19	1	3		88	KH-THAC	Russian
3	PHẠM GIÁP TRI	BK THIE	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG VĂN THÔNG	BK THIE	25	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ ĐÌNH HUY	BK THIE	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TAM	BK THIE	24	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIỆT TÙNG	BK THIE					72	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CUƠNG	BK THIE					73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG QUANG	BK THIE	26	1	5	84	80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	BK THIE	27	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TÀNG MẠNH HÀ	BK THIE	21-22	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DŨ	BK THIE	23	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ THANH TÙNG	BK THIE	35	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
14	DUƠNG KHANH HOANG	PVD6	27-29	3	17		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

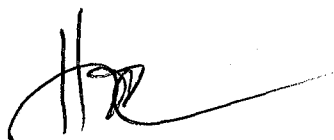
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	13	12	62	978	84	17		
2	PVD6	1	3	17	82	0	2		
TOTAL		14	15	79	1.060	84	19		
WEIGHT KG				79	1.060	84			

GRAND TOAL: 1.223 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: PVD6 - PVD1 - RC6	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TIẾN LƯU	PVD6	84	1	7		65	NIPI	Vietnamese
2	CHAU NHẬT BANG	PVD6	85	1	5		67	NIPI	Vietnamese
3	TRẦN DANG PHUOC	PVD1	21	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
4	DO XUAN CHI	PVD1	23	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DOANH	PVD1	19	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
6	DOAN VAN THINH	PVD1	25	1	3		45	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUAN	PVD1	15	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THE TRUONG	PVD1	14	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU BA	PVD1	20	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG QUANG THANH	PVD1	18	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRUONG VAN THANG	PVD1	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	DAO VAN SINH	PVD1	16	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HAU	PVD1	22	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THANH TUYEN	PVD1	13	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC VIET	PVD1	12	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGUYEN VU	PVD1	17	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN GIANG	PVD1	24	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN MINH THI	RC6	62	1	4		110	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TUNG	RC6	59-60	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TRUNG	RC6	61	1	8	60	82	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN TRUONG	RC6	57-58	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU MINH QUYẾT	RC6	56	1	15		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	2	2	12	132	0	0		
2	PVD1	15	15	82	1.005	0	17		
3	RC6	5	7	45	391	60	5		
TOTAL		22	24	139	1.528	60	22		
WEIGHT KG				139	1.528	60			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: RP3 - RC5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HƯNG - VThắng - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAKHIN RUSTEM	RP3	27	1	10	25	85	KH-THAC	Russian
2	PHẠM VĂN ANH	RP3	34	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ QUANG HÙNG	RP3	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN LINH	RP3	31-32	2	11		60	YTE	Vietnamese
5	ĐÀO ĐÌNH HUY	RP3	39	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THE DUNG	RP3	29-30	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	42	1	10	32	72	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN HOA	RP3	33	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HOANG	RP3	35	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG LINH	RP3	36	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	RP3	40	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TIEN	RP3	41	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRỌNG VU	RP3					76	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	28	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
15	KOROGLUEV	RC5	45	1	5	60	69	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN TRỌNG KHANG	RC5	46	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TÂN	RC5	47	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NAM THẮNG	RC5	49	1	4		101	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUY TUAN	RC5	44	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CỤC	RC5	51	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LINH	RC5	48	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUAN	RC5	50	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	15	80	1.018	57	13		
2	RC5	8	8	54	606	60	9		
TOTAL		22	23	134	1.624	117	22		
WEIGHT KG				134	1.624	117			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: RP1 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - Toàn	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	32	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	36	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	27	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG ĐÌNH BA	RP1	24	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HÙNG CƯỜNG	RP1					83	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	37	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG THẾ ANH	RP1	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	29	1	3	35	78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH CÔNG	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUY	RP1	23	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	26	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	31	1	7		85	PSV	Vietnamese
14	DƯƠNG TRUNG KIẾN	RP1	25	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	34	1	7		65	PSV	Vietnamese
16	HOANG NGỌC TOÀN	RP1	22	1	8		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG MINH	RP1	33	1	7		83	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP1	28	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	18	16	105	1.323	35	16		
2	CLO	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	16	105	1.323	35	21		
WEIGHT KG				105	1.323	35			

GRAND TOAL: 1.463 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 11:40
TRANG-2		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	66	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHÓN	CLO	59	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	LAM XUÂN TÚ	CLO	60	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	58	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG DUY LY	CLO	57	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN SANG	CLO	62	1	2		53	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ HAI LONG	CLO	63	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KHIEM	CLO	61	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
9	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	56	1	5		56	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC LONG	CLO	51-52	2	12		58	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	CLO	64	1	11		59	DVL	Vietnamese
12	TÔNG TIEN QUANG	CLO	65	1	7		77	DVL	Vietnamese
13	PHAM VAN TUONG	CLO	54-55	2	12		80	DVL	Vietnamese
14	MAI THANH NAM	CLO	53	1	8		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	16	101	950	0	22		
TOTAL		14	16	101	950	0	22		
WEIGHT KG				101	950	0			

GRAND TOAL: 1.051 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Vũ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN BAN	RP2	92	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	97	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	32	1	5	20	66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP2	33	1	8	60	75	GETRACO	Vietnamese
5	PHẠM MINH TOÀN	RP2	99,500	2	12		57	YTE	Vietnamese
6	GARIBEKOV M. K	RP2	93	1	5		96	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN THANH DUY	RP2	91	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐỨC LONG	RP2	96	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	53	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	24	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	26	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	94	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN QUÂN	RP2	90	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TANG VĂN ĐỨC	RP2	98	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THAO	RP2	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUANG LỢI	RP2	23	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH TUẤN	RP2	27	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ DUY QUYÊN	RP2	30-31	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	95	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	29	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	25	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	23	131	1.492	80	22		
	TOTAL	22	23	131	1.492	80	22		
	WEIGHT KG			131	1.492	80			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: PVD1 - RC3 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hôi - QViệt - DTùng	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOHAMAD FAEZ BIN A. A	PVD1	35-36	2	20		71	KHOAN	Malaysian
2	PHAM HOANG GIANG	PVD1	38-40	3	20		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VU QUOC	PVD1	45	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
4	LE HOAI THIEN	PVD1	37	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG	PVD1	41	1	15		74	KHOAN	Vietnamese
6	DANG TRONG THUC	PVD1	46	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	DANG QUANG MINH	PVD1	42	1	7	26	61	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG TUAN HAI	PVD1	47	1	5	45	74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM HONG PHONG	PVD1	48	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
10	DO NG. HONG THANH	RC3	60	1	13	60	80	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CONG AN	RC3					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TAN HONG	RC3	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	DAU HUY HOANG	RC3	63-64	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH VAN GIANG	RC3	62	1	5		72	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	9	12	105	625	71	4		
2	RC3	5	5	35	356	60	10		
3	P1	0	0	0	0	4	8		
TOTAL		14	17	140	981	135	22		
WEIGHT KG				140	981	135			

GRAND TOAL: 1.256 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: P8 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - Toan	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. VIỆT KHA	P8	90	1	5	54	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐỨC VŨNG	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	67	1	7		60	PSV	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P2	64	1	3		65	PSV	Vietnamese
5	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2					80	PSV	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	66	1	4		67	PSV	Vietnamese
7	BUI LONG HUNG	P2	62	1	7	20	65	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	68	1	5		50	PSV	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT BÌNH	P2	63	1	3		57	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG QUỐC LONG	P2	61	1	5		57	PSV	Vietnamese
11	LE XUAN ĐAM	P2	65	1	4		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN NHUẬN	P2	69-70	2	18		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	1	5	62	54	0		
2	P2	11	10	56	680	20	22		
TOTAL		12	11	61	742	74	22		
WEIGHT KG				61	742	74			

GRAND TOAL: 877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: P7 - P10 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 13:50
VANG-3		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH HÙNG	P7					65	ANTOAN	Vietnamese
2	TRẦN MINH BẠCH	P10	38	1	7		58	PSV	Vietnamese
3	BUI VĂN QUANG	P10					74	PSV	Vietnamese
4	BUI VĂN NGUYỄN	P10	40	1	5		73	PSV	Vietnamese
5	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	37	1	3		60	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CÁN	P10	39	1	7		69	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN LONG	RP2	47-48	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN LY	RP2	45-46	2	19		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUU NHAN	RP2	44	1	6		78	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	1	0	0	65	0	0		CHUYỂN 1 PAX P10 SANG RP2
2	P10	5	4	22	334	0	17		
3	RP2	4	6	35	294	0	5		
TOTAL		10	10	57	693	0	22		
WEIGHT KG				57	693	0			

GRAND TOTAL:

750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2019	TO: P9 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:00
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Vũ	ETA: 15:40
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN KIM	P9	13-14	2	12		77	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐĂNG BIÊN	P9	10	1	5		70	PSV	Vietnamese
3	LÊ VĂN VIỆT	P9	09	1	3	20	85	PSV	Vietnamese
4	PHẠM THE THUẬN	P9	11	1	6		68	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	12	1	7		72	PSV	Vietnamese
6	HA QUANG TRUNG	RP2	64	1	11		50	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ TUẤN ANH	RP2	55-56	2	17		52	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN XUÂN THANH	RP2	50	1	13		61	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CAO MÔNG	RP2	51	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
10	THIỆU SY VŨ	RP2	53	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
11	PHẠM ANH TÚ	RP2	52	1	3		74	GETRACO	Vietnamese
12	PHAN MẠNH LINH	RP2	54	1	3		65	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT	RP2	57-58	2	7		67	GETRACO	Vietnamese
14	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	99	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TÚ HAI	RP3	100	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	6	33	372	20	9		
2	RP2	8	10	64	491	0	9		
3	RP3	2	2	9	150	0	3		
TOTAL		15	18	106	1.013	20	21		
WEIGHT KG				106	1.013	20			

GRAND TOAL: 1.139 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2019	TO: RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:05
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: Hòì - QViệt - DTùng	ETA: 15:45
TIM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG VĂN THƯỜNG	RP3	10	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN HIEN	RP3	28	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HUNG	RP3	23	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	LAI ĐỨC BAY	RP3	16	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	27	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	RP3	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	24-25	2	12		79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ KIEN	RP3	26	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN HẠNH	RP3	29	1	5		78	PSV	Vietnamese
13	HỒ NGỌC THANH	RP3	19-20	2	17		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VY	RP3	12	1	5		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	14	1	4		68	PSV	Vietnamese
16	TRẦN THANH HAI	RP3	21	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	13	1	2		57	PSV	Vietnamese
18	MAI VĂN HUNG	RP3	11	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HIẾU	RP3	22	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	21	112	1.221	0	20		
2	RCDM	0	0	0	0	10	2		
TOTAL		19	21	112	1.221	10	22		
WEIGHT KG				112	1.221	10			

GRAND TOAL: 1.343 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN